

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>3,741,625,242,516</b>	<b>2,920,074,712,113</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>199,250,847,064</b>	<b>450,501,664,604</b>
1. Tiền	111		179,250,847,064	420,501,664,604
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	30,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1,306,731,045,131</b>	<b>476,066,011,734</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,309,402,807,169	479,236,770,751
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,671,762,038)	(3,170,759,017)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,329,941,625,612</b>	<b>1,192,396,234,560</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1,290,710,702,165	721,455,378,551
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	448,340,422,404	333,154,676,524
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	842,370,279,761	388,300,702,027
2. Trả trước cho người bán	132		9,440,354,921	7,430,570,087
3. Các khoản phải thu khác	135	9	70,313,833,896	504,517,142,995
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(40,523,265,370)	(41,006,857,073)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>75,949,704,452</b>	<b>61,251,509,501</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	68,040,183,450	53,396,706,197
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		63,784,761,938	49,994,885,421
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		4,255,421,512	3,401,820,776
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,371,441,375	1,705,167,417
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	2,538,079,627	6,149,635,887
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>12</b>	<b>829,752,020,257</b>	<b>739,859,291,714</b>
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		586,612,490,706	424,816,344,062
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		243,139,529,551	315,042,947,652
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>256,076,754,232</b>	<b>818,933,278,995</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13,556,547,521</b>	<b>13,411,594,192</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	13,556,547,521	13,411,594,192
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		6,556,547,521	6,411,594,192
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,146,562,903</b>	<b>7,564,163,702</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3,303,405,832	4,232,703,752
<i>Nguyên giá</i>	222		12,210,335,751	22,289,081,815
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8,906,929,919)	(18,056,378,063)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2,843,157,071	3,331,459,950
<i>Nguyên giá</i>	228		6,979,824,959	7,064,854,959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,136,667,888)	(3,733,395,009)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>201,990,000,000</b>	<b>783,438,876,674</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		201,990,000,000	783,438,876,674
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>34,383,643,808</b>	<b>14,518,644,427</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		34,383,643,808	14,518,644,427
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3,997,701,996,748</b>	<b>3,739,007,991,108</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2,894,832,354,338</b>	<b>2,665,978,859,870</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,791,746,218,573</b>	<b>2,622,534,556,236</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		610,028,359,727	417,067,202,252
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	601,383,602,306	414,130,228,505
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		8,644,757,421	2,936,973,747
3. Người mua trả tiền trước	313		5,292,626,113	4,962,810,268
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	15,992,389,131	16,915,329,610
5. Phải trả người lao động	315		76,382,376,452	56,076,034,465
6. Chi phí phải trả	316		107,203,356	108,954,044
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	10,750,686,278	8,424,697,824
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	148,773,020,873	133,239,429,733
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		687,869,895	8,534,951
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	1,923,731,686,748	1,985,731,563,089
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,339,030,707,209	1,243,304,655,032
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		466,050,384,418	638,290,134,566
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		118,650,595,121	104,136,773,491
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>103,086,135,765</b>	<b>43,444,303,634</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		103,085,135,765	43,443,303,634
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>1,102,869,642,410</b>	<b>1,073,029,131,238</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1,102,869,642,410</b>	<b>1,073,029,131,238</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		15,636,838,600	14,108,796,294
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87,232,803,810	58,920,334,944
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3,997,701,996,748</b>	<b>3,739,007,991,108</b>


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024


Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởngNguyễn Thành Quang  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	648,354,714,274	636,771,688,712	1,999,620,068,640	2,333,623,736,202
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	63,559,965,249	117,956,894,647	184,693,966,855	249,759,163,968
3. Thu nhập khác	13	516,878,604	831,395,870	1,265,720,820	1,924,914,357
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	623,799,845,977	678,790,499,779	1,887,313,225,902	2,280,723,007,319
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	154,963,542	873,202,762	312,779,009	24,457,366,466
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	69,224,091,101	62,409,082,539	261,285,587,488	256,181,094,098
7. Chi phí khác	24	1,914,476,625	1,670,626,821	2,495,761,540	1,752,267,245
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	17,338,180,882	11,816,567,328	34,172,402,376	22,194,079,399
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17,228,603,914	11,348,642,235	30,560,846,116	20,758,247,308

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:**

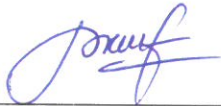
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>790,917,275,314</b>	<b>779,310,376,346</b>	<b>2,508,533,923,216</b>	<b>2,819,469,635,412</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		877,507,912,013	761,973,845,043	2,547,251,417,339	2,812,265,757,795
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		26,805,747,755	13,424,427,016	57,008,558,054	44,991,251,566
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		113,396,384,454	(3,912,104,287)	95,726,052,177	37,787,373,949
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>292,359,716,765</b>	<b>234,214,885,010</b>	<b>991,080,872,145</b>	<b>781,752,791,630</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		359,687,837,837	238,508,886,057	1.152,877,018,789	846,427,604,667
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		67,328,121,072	4,294,001,047	161,796,146,644	64,674,813,037
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>498,557,558,549</b>	<b>545,095,491,336</b>	<b>1,517,453,051,071</b>	<b>2,037,716,843,782</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>149,797,155,725</b>	<b>91,676,197,376</b>	<b>482,167,017,569</b>	<b>295,906,892,420</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		66,966,317,060	69,551,199,547	247,616,905,628	225,908,482,425
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		82,830,838,665	22,124,997,829	234,550,111,941	69,998,409,995
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>648,354,714,274</b>	<b>636,771,688,712</b>	<b>1,999,620,068,640</b>	<b>2,333,623,736,202</b>
<b>6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>		<b>311,190,162,232</b>	<b>329,517,831,648</b>	<b>1,108,112,088,188</b>	<b>1,046,343,820,936</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		311,190,162,232	329,517,831,648	1.108,112,088,188	1.046,343,820,936
- Các khoản giảm trừ (Thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-	-	-
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>123,554,558,831</b>	<b>117,759,352,128</b>	<b>426,556,638,924</b>	<b>419,589,514,497</b>
<b>8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>(42,530,995,393)</b>	<b>(30,997,564,820)</b>	<b>(172,239,750,148)</b>	<b>119,744,885,209</b>
<b>9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>(4,370,509,761)</b>	<b>(66,800,612,503)</b>	<b>(71,903,418,101)</b>	<b>12,485,989,528</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>22</b>	<b>149,475,117,769</b>	<b>247,561,527,203</b>	<b>581,219,117,217</b>	<b>734,013,202,120</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối</b>	<b>16</b>		<b>5,446,252,935</b>	<b>5,368,900,908</b>	<b>14,513,821,630</b>	<b>20,108,294,047</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>23</b>	<b>468,878,475,273</b>	<b>425,860,071,668</b>	<b>1,291,580,287,055</b>	<b>1,526,601,511,152</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		37,172,798,230	36,730,158,891	109,545,878,878	170,254,209,125
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		431,705,677,043	389,129,912,777	1,182,034,408,177	1,356,347,302,027
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>623,799,845,977</b>	<b>678,790,499,779</b>	<b>1,887,313,225,902</b>	<b>2,280,723,007,319</b>
<b>14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)</b>	<b>19</b>		<b>24,554,868,297</b>	<b>(42,018,811,067)</b>	<b>112,306,842,738</b>	<b>52,900,728,883</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	63,559,965,249	117,956,894,647	184,693,966,855	249,759,163,968
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	154,963,542	873,202,762	312,779,009	24,457,366,466
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>63,405,001,707</b>	<b>117,083,691,885</b>	<b>184,381,187,846</b>	<b>225,301,797,502</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	69,224,091,101	62,409,082,539	261,285,587,488	256,181,094,098
<b>19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>18,735,778,903</b>	<b>12,655,798,279</b>	<b>35,402,443,096</b>	<b>22,021,432,287</b>
20. Thu nhập khác	31		516,878,604	831,395,870	1,265,720,820	1,924,914,357
21. Chi phí khác	32		1,914,476,625	1,670,626,821	2,495,761,540	1,752,267,245
<b>22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1,397,598,021)</b>	<b>(839,230,951)</b>	<b>(1,230,040,720)</b>	<b>172,647,112</b>
<b>23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>17,338,180,882</b>	<b>11,816,567,328</b>	<b>34,172,402,376</b>	<b>22,194,079,399</b>
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		109,576,968	467,925,093	3,611,556,260	1,435,832,091
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>17,228,603,914</b>	<b>11,348,642,235</b>	<b>30,560,846,116</b>	<b>20,758,247,308</b>


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởngNguyễn Thành Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

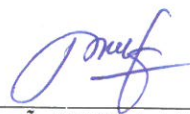
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 03a-DNPNT**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4	
		Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,065,234,392,970	1,351,583,848,628	3,050,354,405,576	3,542,500,827,682
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(774,974,192,681)	(1,159,645,159,267)	(2,541,957,379,421)	(2,985,431,274,829)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(89,131,064,809)	(74,313,845,671)	(323,803,390,193)	(315,227,733,108)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-	-	(8,317,775,150)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13,482,021,203	10,354,500,703	351,599,079,196	4,370,911,296
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(43,101,461,561)	(59,668,438,800)	(140,449,296,945)	(225,136,196,722)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>171,509,695,122</b>	<b>68,308,265,593</b>	<b>395,743,418,213</b>	<b>12,758,759,169</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(146,575,000)	(30,500,000)	(734,050,000)	(2,252,507,775)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(902,000,000,000)	(120,000,000,000)	(2,660,000,000,000)	(445,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	670,000,000,000	100,500,000,000	1,629,000,000,000	397,501,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	(438,751,629,550)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	178,125,000,000	321,717,837,792	490,199,399,946
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36,392,840,057	17,378,833,693	62,946,741,811	215,434,690,541
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(195,753,734,943)</b>	<b>175,973,333,693</b>	<b>(647,069,470,397)</b>	<b>217,130,953,162</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,042,192)	(2,627,464)	(39,207,124)	(15,332,957)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6,042,192)</b>	<b>(2,627,464)</b>	<b>(39,207,124)</b>	<b>(15,332,957)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(24,250,082,013)</b>	<b>244,280,291,822</b>	<b>(251,365,259,308)</b>	<b>229,874,379,374</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>223,501,265,741</b>	<b>206,335,780,411</b>	<b>450,501,664,604</b>	<b>220,739,121,164</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(336,664)	(114,407,629)	114,441,768	(111,835,934)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)</b>	<b>70</b>	<b>199,250,847,064</b>	<b>450,501,664,604</b>	<b>199,250,847,064</b>	<b>450,501,664,604</b>

  
Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thành Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.697 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.694 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và năm mươi một (51) đơn vị trực thuộc, bao gồm 50 Công ty thành viên (VNI Hà Nội, VNI Thành phố Hồ Chí Minh, VNI Đà Nẵng, VNI Nghệ An, VNI Hải Phòng, VNI Hải Dương, VNI Tây Nguyên, VNI Nam Hồng Hà, VNI Thăng Long, VNI Quảng Ninh, VNI Đông Đô, VNI Quảng Bình, VNI Bắc Giang, VNI Thanh Hóa, VNI Vĩnh Phúc, VNI Bình Định, VNI Đông Nam Bộ, VNI Sài Gòn, VNI Khánh Hòa, VNI Nam Tây Nguyên, VNI Quảng Ngãi, VNI Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An, Sở Giao dịch, VNI Tây Bắc, VNI Trảng An, VNI Hà Thành, VNI Vũng Tàu, Sở Giao dịch 2; VNI Huế; VNI Duyên Hải; VNI Bình Dương; VNI Âu Lạc; VNI Gia Định; VNI Kinh Đô; VNI Vạn Xuân; VNI Hà Tuyên; VNI Lâm Đồng; VNI Nam Định; VNI Phú Thọ; VNI Tiền Giang; VNI Bắc Ninh, VNI Quảng Nam, VNI Thái Nguyên, VNI Bình Phước, VNI Kỹ Thuật Số và Văn phòng đại diện Miền Nam.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2023 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật kinh doanh Bảo hiểm.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 và Thông tư 67 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:  
**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

***Các khoản đầu tư tài chính******Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2023</b>
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính được thay thế bởi Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo**Dự phòng phí chưa được hưởng:**- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Điểm 1, Điều 35 Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phân ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phân ánh là tài sản tái bảo hiểm.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm):* Từ năm 2023 Tổng Công ty không khai thác các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm.

*Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn* áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

*Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác:* áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyên hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

#### Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

#### Ghi nhận doanh thu

##### *Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, từ ngày 02 tháng 11 năm 2023, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC do

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

***Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

*- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

*- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

**Ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp đồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chi bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn*

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- *Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3,762,257,267	3,292,959,184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	174,501,102,991	416,990,179,099
Tiền đang chuyển	987,486,806	218,526,321
Các khoản tương đương tiền (i)	20,000,000,000	30,000,000,000
	<b>199,250,847,064</b>	<b>450,501,664,604</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1,309,402,807,169	(2,671,762,038)	479,236,770,751	(3,170,759,017)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>6,402,807,169</i>	<i>(2,671,762,038)</i>	<i>7,236,770,751</i>	<i>(3,170,759,017)</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	6,402,807,169	(2,671,762,038)	7,236,770,751	(3,170,759,017)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>1,303,000,000,000</i>	-	<i>472,000,000,000</i>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1,303,000,000,000	-	472,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	201,990,000,000	-	783,438,876,674	-
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>200,000,000,000</i>	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	200,000,000,000	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>1,990,000,000</i>	-	<i>36,990,000,000</i>	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	36,990,000,000	-
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	-	-	<i>746,448,876,674</i>	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	-	-	746,448,876,674	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>169,304,650,441</b>	<b>110,187,664,362</b>
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	153,749,217,331	102,748,256,607
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	15,555,433,110	7,439,407,755
<b>b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm</b>	<b>20,270,998,395</b>	<b>10,475,082,460</b>
<b>c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>255,697,440,481</b>	<b>206,140,389,980</b>
<b>d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>2,204,458,260</b>	<b>4,995,953,504</b>
<b>e) Phải thu khác</b>	<b>862,874,827</b>	<b>1,355,586,218</b>
	<b>448,340,422,404</b>	<b>333,154,676,524</b>

**8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	804,008,981,260	349,934,475,200
Phải thu khác	1,399,180	6,327,506
	<b>842,370,279,761</b>	<b>388,300,702,027</b>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>70,313,833,896</b>	<b>504,517,142,995</b>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	436,831,920	118,000,000
Tạm ứng	26,343,944,400	37,715,327,451
Phải thu ngắn hạn khác	43,533,057,576	466,683,815,544
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13,556,547,521</b>	<b>13,411,594,192</b>
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	6,556,547,521	6,411,594,192
	<b>83,870,381,417</b>	<b>517,928,737,187</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính Quý 4  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09a-DNPNT****10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN**

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm		Từ 1 năm đến dưới 2 năm		Từ 2 năm đến dưới 3 năm		Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	365,446,475	557,226,292	232,942,060	1,278,931,275	2,434,546,102				
Phải thu tái bảo hiểm	384,542			30,128,558	30,513,100				
Nợ khác				303,560,092	303,560,092				
<b>Cộng</b>	<b>365,831,017</b>	<b>557,226,292</b>	<b>232,942,060</b>	<b>1,612,619,925</b>	<b>2,768,619,294</b>				

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	41,128,518,615	40,523,941,139	42,378,479,747	41,006,857,073
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	2,768,619,294	2,164,041,818	4,018,580,426	2,646,957,752

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Đầu năm đến hết	Năm 2022
	Quý 4/2023	VND
	VND	VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	49,994,885,421	67,860,460,031
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	64,651,456,575	47,605,382,750
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	50,861,580,058	65,470,957,360
<b>- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>63,784,761,938</b>	<b>49,994,885,421</b>
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>	<b>4,255,421,512</b>	<b>3,401,820,776</b>
	<b>68,040,183,450</b>	<b>53,396,706,197</b>

**12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	586,612,490,706	424,816,344,062
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	243,139,529,551	315,042,947,652
	<b>829,752,020,257</b>	<b>739,859,291,714</b>

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>5,821,411,775</b>	<b>16,467,670,040</b>	<b>22,289,081,815</b>
Mua sắm mới	-	587,475,000	587,475,000
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(10,666,221,064)	(10,666,221,064)
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5,821,411,775</b>	<b>6,388,923,976</b>	<b>12,210,335,751</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>3,844,188,834</b>	<b>14,212,189,229</b>	<b>18,056,378,063</b>
Trích khấu hao	569,431,879	947,341,041	1,516,772,920
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(10,666,221,064)	(10,666,221,064)
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4,413,620,713</b>	<b>4,493,309,206</b>	<b>8,906,929,919</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>1,977,222,941</b>	<b>2,255,480,811</b>	<b>4,232,703,752</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>1,407,791,062</b>	<b>1,895,614,770</b>	<b>3,303,405,832</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	7,064,854,959	7,064,854,959
Tăng khác	1,090,320,000	1,090,320,000
Giảm khác	(1,175,350,000)	(1,175,350,000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6,979,824,959</b>	<b>6,979,824,959</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	3,733,395,009	3,733,395,009
Tăng do góp vốn	-	-
Trích khấu hao	1,578,622,879	1,578,622,879
Giảm khác	(1,175,350,000)	(1,175,350,000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4,136,667,888</b>	<b>4,136,667,888</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	3,331,459,950	3,331,459,950
Tại ngày cuối kỳ	2,843,157,071	2,843,157,071

**15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	510,772,892,120	352,103,295,489
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	6,298,548,700	5,098,545,197
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	27,065,467,064	27,630,619,774
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	11,366,098,767	11,929,787,010
e) Phải trả khác	45,880,595,655	17,367,981,035
	<b>601,383,602,306</b>	<b>414,130,228,505</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,538,079,627	6,149,635,887
<b>Cộng</b>	<b>2,538,079,627</b>	<b>6,149,635,887</b>
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Các khoản phải nộp</b>		
Thuế GTGT	14,216,730,568	15,320,237,249
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1,297,420,348	967,540,706
Thuế nhà thầu nước ngoài	71,492,602	109,221,513
Thuế, phí phải nộp khác	406,745,613	518,330,142
	<b>15,992,389,131</b>	<b>16,915,329,610</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	133,239,429,733	112,803,915,104
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	146,362,512,733	130,104,631,995
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(130,828,921,593)	(109,669,117,366)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<b>148,773,020,873</b>	<b>133,239,429,733</b>
<b>2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phải trả bảo hiểm xã hội	10,138,274	19,784,610
Phải trả bảo hiểm y tế	9,332,879	9,021,599
Phải trả kinh phí công đoàn	2,092,154,384	1,289,274,073
Phải trả các cổ đông	3,527,895,927	3,568,039,495
Phải trả khác	5,111,164,814	3,538,578,047
	<b>10,750,686,278</b>	<b>8,424,697,824</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>466,050,384,418</b>	<b>243,139,529,551</b>	<b>222,910,854,867</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	387,922,585,156	208,553,218,987	179,369,366,169
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	78,127,799,262	34,586,310,564	43,541,488,698
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học</b>	<b>1,339,030,707,209</b>	<b>586,612,490,706</b>	<b>752,418,216,503</b>
<b>Cộng</b>	<b>1,805,081,091,627</b>	<b>829,752,020,257</b>	<b>975,329,071,370</b>

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2023		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	638,290,134,566	315,042,947,652	323,247,186,914
Số trích lập trong kỳ	(172,239,750,148)	(71,903,418,101)	(100,336,332,047)
Số dư cuối kỳ	<b>466,050,384,418</b>	<b>243,139,529,551</b>	<b>222,910,854,867</b>

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2023		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,243,304,655,032	424,816,344,062	818,488,310,970
Số trích lập trong kỳ	95,726,052,177	161,796,146,644	(66,070,094,467)
Số dư cuối kỳ	<b>1,339,030,707,209</b>	<b>586,612,490,706</b>	<b>752,418,216,503</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối**

	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Năm 2022
Số dư đầu kỳ	104,136,773,491	84,028,479,444
Số trích lập thêm trong kỳ	14,513,821,630	20,108,294,047
Số dư cuối kỳ	<u>118,650,595,121</u>	<u>104,136,773,491</u>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2022	1,000,000,000,000	13,070,883,929	39,204,400,920	1,052,275,284,849
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	200,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	20,758,247,308	20,758,247,308
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,037,912,365	(1,037,912,365)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4,400,919)	(4,400,919)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>1,000,000,000,000</u>	<u>14,108,796,294</u>	<u>58,920,334,944</u>	<u>1,073,029,131,238</u>
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	1,000,000,000,000	14,108,796,294	58,920,334,944	1,073,029,131,238
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	30,560,846,116	30,560,846,116
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,528,042,306	(1,528,042,306)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(720,334,944)	(720,334,944)
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>1,000,000,000,000</u>	<u>15,636,838,600</u>	<u>87,232,803,810</u>	<u>1,102,869,642,410</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
	VND	VND
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>2,548,760,348,262</b>	<b>2,814,291,634,523</b>
Bảo hiểm hàng không	(276,346,548)	4,598,774,800
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	417,566,783,287	659,572,260,049
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	82,790,938,067	79,885,047,457
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	71,188,790,389	63,557,835,358
Bảo hiểm xe cơ giới	1,708,910,733,326	1,754,326,758,308
Bảo hiểm cháy nổ	187,124,556,735	180,960,612,338
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	61,427,951,849	49,797,550,281
Bảo hiểm trách nhiệm chung	17,913,983,717	19,624,943,169
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	2,112,957,440	1,967,852,763
<b>Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(1,508,930,923)</b>	<b>(2,025,876,728)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>57,060,246,219</b>	<b>45,051,259,626</b>
Bảo hiểm hàng không	273,216,202	402,649,877
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	8,663,440,994	14,353,147,500
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	24,523,875,241	20,680,400,032
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	802,790,270	522,083,256
Bảo hiểm xe cơ giới	11,881,953,961	40,030,492
Bảo hiểm cháy nổ	10,181,924,628	6,208,096,096
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	53,256,544	2,315,689,642
Bảo hiểm trách nhiệm chung	559,728,812	319,239,579
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	120,059,567	209,923,152
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(51,688,165)</b>	<b>(60,008,060)</b>
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(95,726,052,177)</b>	<b>(37,787,373,949)</b>
	<b>2,508,533,923,216</b>	<b>2,819,469,635,412</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
	VND	VND
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>1,152,877,018,789</b>	<b>846,427,604,667</b>
Bảo hiểm hàng không	(270,601,776)	4,444,447,793
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	225,502,382,309	25,163,277,853
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	63,737,087,968	51,641,999,907
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	27,513,220,815	36,732,150,533
Bảo hiểm xe cơ giới	646,814,958,662	543,911,008,863
Bảo hiểm cháy nổ	137,490,486,165	136,607,336,101
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	46,272,161,695	35,505,102,404
Bảo hiểm trách nhiệm chung	3,996,985,864	11,147,896,982
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,820,337,087	1,274,384,231
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(161,796,146,644)</b>	<b>(64,674,813,037)</b>
	<b>991,080,872,145</b>	<b>781,752,791,630</b>

**22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
	VND	VND
<b>Tổng chi bồi thường</b>	<b>1,108,112,088,188</b>	<b>1,046,343,820,936</b>
Bảo hiểm hàng không	762,455,239	1,189,247,473
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	75,255,526,124	57,679,319,801
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	28,944,574,436	35,226,542,496
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	24,470,230,984	18,161,067,778
Bảo hiểm xe cơ giới	924,243,323,575	823,028,364,685
Bảo hiểm cháy nổ	25,774,121,539	23,717,387,898
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	21,975,050,973	25,502,579,986
Bảo hiểm trách nhiệm chung	6,565,846,234	61,839,310,819
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	120,959,084	-
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(426,556,638,924)</b>	<b>(419,589,514,497)</b>
<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(172,239,750,148)</b>	<b>119,744,885,209</b>
<b>(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>71,903,418,101</b>	<b>(12,485,989,528)</b>
	<b>581,219,117,217</b>	<b>734,013,202,120</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	109,545,878,878	170,254,209,125
Chi đòi người thứ ba	-	108,090,000
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	87,786,931	47,848,843
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	1,024,289,008	1,075,452,794
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	1,609,555,957	1,455,857,721
Chi phí lương, chi phí khai thác và chi phí khác liên quan đến hoạt động bán hàng	1,173,859,531,634	1,351,226,084,428
Chi khác	5,453,244,647	2,433,968,241
	<b>1,291,580,287,055</b>	<b>1,526,601,511,152</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	87,833,009,586	28,890,811,742
Lãi kinh doanh chứng khoán	72,885,073,375	177,579,970,891
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,572,033,100	17,208,926,693
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,284,398,648	1,168,085,380
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	19,119,452,146	24,911,369,262
	<b>184,693,966,855</b>	<b>249,759,163,968</b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(498,996,979)	(847,159,240)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	185,495,733	24,016,675,685
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	619,660,773	1,285,094,381
Chi phí hoạt động tài chính khác	6,619,482	2,755,640
	<b>312,779,009</b>	<b>24,457,366,466</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	173,862,716,413	175,580,311,819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70,120,243,801	63,794,017,112
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	500,448,472	(603,568,648)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,095,395,799	2,787,746,859
Chi phí dụng cụ văn phòng	4,693,667,054	5,960,730,793
Chi phí vật liệu quản lý	4,265,865,187	4,459,389,230
Thuế, phí và lệ phí	1,389,789,077	1,921,707,912
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	633,312,109	637,212,805
Chi phí quản lý khác	2,724,149,576	1,643,546,216
	<b>261,285,587,488</b>	<b>256,181,094,098</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2023	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2022
	VND	VND
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>34,172,402,376</b>	<b>22,194,079,399</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2,686,811,532)	(17,466,609,604)
Trừ: Các khoản chi phí không được trừ của các năm trước	(14,596,459,009)	
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1,168,649,463	2,451,690,661
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>18,057,781,298</b>	<b>7,179,160,456</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>3,611,556,260</b>	<b>1,435,832,091</b>
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước vào CP thuế TNDN của năm hiện hành	4,996,328,443	
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8,607,884,703</b>	<b>1,435,832,091</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt vào ngày 19 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024

